

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

“ V/v ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - Cán bộ hưu trí

Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện An Thi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên toà:

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1986*

*- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1990*

HKTT: thôn Xuân Nguyên, xã Xuân Trúc, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

Anh L1 hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam S xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị L và các lời khai của chị Trần Thị L, anh Nguyễn Văn L1 trong quá trình tố tụng thể hiện:

Anh L1 và chị L đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tự tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã X, A, tỉnh Hưng Yên. Theo chị L thì sau khi kết hôn chị L về nhà anh L1 sống và lúc này chị mới biết L1 nghiện ma túy. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Anh L1 có bố mẹ ly hôn từ nhỏ, bố anh L1 là ông Nguyễn Văn N hiện đi làm ăn xa không rõ tung tích còn mẹ anh L1 là Đoàn Thị L2 bỏ anh L1 từ nhỏ khi mới 9 tháng tuổi. Anh L1 sống cùng bà nội và hiện bà nội anh L1 cũng đã mất từ lâu gia đình không còn ai. Trong thời gian chung sống anh L1 lười lao động lại ham chơi, năm 2021 anh L1 đã bị tòa án huyện Y xét xử về tội sử dụng ma túy, chị L đã kịch liệt phản đối và đòi ly hôn với L1 rất nhiều lần. Sau đó, do anh L1 hứa thay đổi và do chị thương anh L1 mồ côi từ nhỏ bố mẹ không

quan tâm nên chị cố gắng khuyên nhủ và gắn bó với anh L1. Không cải sửa tính tình, năm 2023 anh L1 lại bị Công an bắt và bị Tòa án huyện A xét xử 2 năm tù giam. Do tôi không thể chung sống mãi với người nghiện ma túy nên và xác định tình cảm không còn, không thể chung sống được với anh L1 nên chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L1. Còn theo anh L3 sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở X, X được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Nay anh xét thấy tình cảm với chị L không còn nên chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh L1, chị L không yêu cầu giải quyết.

Do anh L1 đang trong thời gian chấp hành án không thể có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án được, nên anh L1, chị L đều có đơn đề nghị Tòa án huyện A giải quyết và xét xử vắng mặt anh, chị

L4 khai của người làm chứng:

- Chị Trần Thị P chị gái chị L cung cấp: Chị L, anh L1 tự quen biết và lấy nhau khi chị L làm việc ở A, khi lấy nhau thì anh L1 cũng có hoàn cảnh khó khăn bố mẹ ly hôn khi anh L1 mới 9 tháng. Khi chị L đi lấy chồng năm 2010 gia đình cũng đã vun vén và tổ chức cưới cho anh chị. Chị L và anh L1 lấy nhau có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã X, huyện A. Sau khi cưới thì vợ chồng về ở cùng bà nội của anh L1. Quá trình chung sống vợ chồng cũng khổ cực, con cái không có do hiếm muộn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau, sau đó anh L1 nghiện ma túy và bị đi tù nên tình cảm vợ chồng càng tệ hại, chị L nhiều lần bỏ về nhà đẻ ở Thanh Hóa nhưng sau đó lại nghe lời anh L1 quay về chung sống. Tuy nhiên anh L1 nghiện ma túy không chịu từ bỏ, gia đình và chị L đã nhiều lần cho cơ hội nhưng không thay đổi. Vợ chồng không chung sống cùng nhau đã lâu, việc vợ chồng không hòa thuận anh em gia đình cũng đã khuyên nhưng không có kết quả. Nhiều lần chị bắt chị L bỏ nhưng chị L không nghe vì cứ thương hoàn cảnh anh L1. Nay chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị L ly hôn.

- Ông Nguyễn Văn T, chú ruột của anh L1 cung cấp: Bố mẹ anh L1 bỏ nhau anh L1 về sống với bà nội từ khi anh L1 khoảng 1 tuổi. Bố của anh L1 cũng bỏ đi làm ăn xa không mấy khi về nhà nên anh L1 ở với bà từ nhỏ. Khi lớn lên chính ông là người tổ chức và lo cho anh L1 lấy chị L. Việc anh L1 lấy chị L là trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi kết hôn chị L về ngay nhà L1 chung sống cùng bà nội của anh L1. Quá trình sống do sống cùng thừa đất nên ông nắm được tình cảm và mâu thuẫn vợ chồng anh L1, chị L. Vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn và cũng không có việc đánh cãi chửi nhau. L1 chỉ do ham chơi mắc nghiện ma túy nên vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng không có con chung nên cũng là nguyên nhân không gắn bó. Chị L yêu cầu ly hôn, quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết để chị L tìm cuộc sống mới, gia đình không can thiệp.

Xác minh với chính quyền địa phương: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn L1 cư trú tại thôn X, xã X, huyện A. Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 14/5/2010 tại thời điểm đăng ký chị L và anh L1 đảm bảo điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Về quan hệ vợ chồng: việc chị L, anh L1 mâu thuẫn cụ thể như thế nào UBND xã không nắm được đề nghị Tòa án xác minh với gia đình. Về con chung chị L, anh L1 không có con chung. Nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn, quan điểm của Ủy ban nhân dân xã: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

+ Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị L có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị L kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Bản thân anh L1 không tu chí làm ăn, mãi chơi bời dẫn đến mắc nghiện chất ma túy, bị Tòa án nhiều lần xử phạt phải đi cải tạo. Chị L đã cho anh L1 nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng anh L1 không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị L có đơn xin ly hôn và từ chối hòa giải. Anh L1 cũng xác định giữa vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, đến nay không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn với chị L. Điều đó cho thấy cả chị L và anh L1 đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh L1.

+ Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị, nên không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của KSV tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn L1, vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: chị L và anh L1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

[2.1] *Về việc kết hôn*: Chị L, anh L1 xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên ngày 14/5/2010, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng là hai bên gia đình đều thừa nhận vợ chồng anh L1 chị L có mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh L1, chị L mỗi người đưa ra một nguyên nhân khác nhau và xác định vợ chồng không còn tình cảm, nay chị L kiên quyết ly hôn, anh L1 cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng đảm bảo ổn định đời sống của mỗi người.

[3] *Về con chung*: Chị L, anh L1 không có con chung nên không xem xét giải quyết

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức*: Chị L, anh L1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị L, anh L1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 238, Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị L, anh L1 mỗi người phải chịu 75.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn; Chị L đã nộp đủ án phí. Chị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà

chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001421 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi, hoàn trả chị L 225.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ